

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học;
2. Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 8 năm 2007. Trong quá trình sống chung vợ chồng không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc do bất

đồng quan điểm, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nữa, vợ chồng cũng có nhiều lần hòa giải nhưng không thành nên chị Nguyễn Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/10/2007 (nữ) và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/12/2009 (nam), hiện đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn con có nguyện vọng theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H1:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H1 không tham gia nên Tòa án không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H1 là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên chị Nguyễn Ngọc H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với nhau từ năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02 ngày 20 tháng 8 năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, chị H xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị H và anh H1 cũng có nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Mặt khác, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hòa giải hợp lệ 02 lần, nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy anh H1 không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa anh với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Chị H được ly hôn với anh H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/10/2007 (nữ) và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/12/2009 (nam), hiện đang sống chung với gia đình, khi ly hôn các con có nguyện vọng theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Ngọc T và Đăng K thì 02 cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/10/2007 (nữ) và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/12/2009 (nam), cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Anh H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị H phải chịu nộp 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc H. Chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 05/10/2007 (nữ) và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 03/12/2009 (nam),

Anh H1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị H phải chịu nộp án phí, chị H có dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006825 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được khấu trừ, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hàm Rồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo